

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn T - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17-11-2022).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thanh T1 - Sinh năm 1996 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-11-2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là ông Hồ Văn T trình bày: ông T và bà Trần Thanh T1 cưới nhau năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 05-12-2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Về hôn nhân: ông T yêu cầu ly hôn với bà T1. Về con chung: có 01 con chung tên Hồ Bảo K (sinh ngày 06-3-2019). Hiện con chung do ông T nuôi dưỡng từ khi sống ly thân đến nay. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T1 cấp

dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Theo bản tự khai ngày 15-11-2022, bị đơn là bà Trần Thanh T1 khai thống nhất với ông T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, tình trạng sống ly thân, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân bà T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về con chung: bà T1 đồng ý để ông T trực tiếp nuôi con chung tên Hồ Bảo K, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Hồ Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thanh T1. Bà T1 cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông T và bà T1 đều có đơn xin không hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông T: ông T và bà T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 05-12-2017 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Ông T và bà T1 đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay và đều không tham gia hòa giải. Ông T yêu cầu ly hôn, bà T1 đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: có 01 con chung tên Hồ Bảo K (sinh ngày 06-3-2019). Hiện con chung đang do ông T nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T1 cũng đồng ý để ông T nuôi con chung, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con chung nên giao ông T trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận tạm thời việc bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 đều cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ nên không xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp. Bà T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với bà Trần Thanh T1 về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho ông Hồ Văn T được ly hôn với bà Trần Thanh T1.

Về nuôi con chung: ông Hồ Văn T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hồ Bảo K (sinh ngày 06-3-2019). Hiện Hồ Bảo K đang sống với ông T. Ghi nhận tạm thời bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, ông T và bà T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005387 ngày 28-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông (*ghi sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên